TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HS-ST
Ngày 18-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thanh Phương

Ông Lê Minh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

- Lê Hoài N, sinh năm 1983 tại Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: Đội 3, Văn Giang, thị trấn Đ, huyện M, TP. Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc T và bà Trần Thị Đ; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/7/2022 và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

- Phạm Văn N, sinh năm 1983 tại Thành phố Hà Nội. Nơi cư trú: thôn Tân Dân 2, xã P, huyện T, TP. Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Lê Thị G; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 và có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/7/2022 và hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N. Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Đậu Thị H, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1975 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ 3, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
+ Bà Lâm Thị P, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
+ Ông Nguyễn Quý N, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hoài N, Phạm Văn N quen biết nhau khi cùng làm tài xế ở thành phố Hà Nội, sau đó cả hai đến địa bàn huyện N thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề, cụ thể như sau:

*** Lê Hoài N, Phạm Văn N thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:**

Từ năm 2020, N và C hùn mỗi người 30.000.000 đồng để cho người khác vay lãi nặng. Tính đến ngày 15/7/2022, N và C đã cho những người sau vay, thu lợi bất chính cụ thể:

- Nguyễn Ngọc B vay 20.000.000 đồng vào ngày 22/6/2020, thời hạn 60 ngày với tổng số lãi đã trả là 19.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 557%/năm, gấp 27,85 lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%); trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 657.534 đồng, tiền thu lợi bất chính là 18.342.000 đồng. Bà B đã trả lại tiền gốc cho các bị cáo.

- Cao Văn T vay 10.000.000 đồng vào ngày 14/7/2020, thời hạn 30 ngày, với tổng số lãi phải trả là 1.800.000 đồng (tương ứng lãi suất 219%/năm, gấp 10,95% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%); trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 164.384đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.636.616 đồng. T chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Trương Huyền N vay 02 lần:

+ Vay 40.000.000 đồng vào ngày 13/3/2021, thời hạn 60 ngày, với tổng số lãi phải trả là 14.400.000 đồng (tương ứng lãi suất 219%/năm, gấp 10,95% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.315.068 đồng, tiền thu lợi bất chính là 13.084.932đồng.

+ Vay 30.000.000 đồng vào ngày 14/3/2021, thời hạn 30 ngày, với tổng số lãi phải trả là 6.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 243,3%/năm, gấp 12,1% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 493.151 đồng, tiền thu lợi bất chính là 5.506.849đồng.

N chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Nguyễn Văn T vay 15.000.000đ vào ngày 01/4/2021, thời hạn 30 ngày, với tổng số lãi phải trả là 1.350.000 đồng (tương ứng lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 246.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.103.425đồng. T chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Ngô Đức P vay 10.000.000đ vào ngày 04/4/2021 (có giấy vay), thời hạn 120 ngày, với tổng số lãi phải trả là 4.500.000 đồng (tương ứng lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,1% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 493.151 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.006.849đồng. P chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Lâm Thị P vay 60.000.000đ vào ngày tháng 3/2022, thời hạn 136 ngày, với tổng số lãi phải trả là 70.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 425%/năm, gấp 21.25% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 22.356.088 đồng, tiền thu lợi bất chính là 47.643.912đồng. P chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Đặng Tiểu B vay 15.000.000đ vào ngày 16/3/2022 (có giấy vay), thời hạn 30 ngày, với tổng số lãi phải trả là 2.700.000 đồng (tương ứng lãi suất 219%/năm, gấp 10,95% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 246.575 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.453.425đồng. B chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Phạm Thị T vay 20.000.000đ vào ngày 27/3/2022, thời hạn 30 ngày, với tổng số lãi phải trả là 3.600.000 đồng (tương ứng lãi suất 219%/năm, gấp 10,95% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 328.767 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.271.233đồng. T chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Trần Thị Ngọc D vay 02 lần:

+ Vay 30.000.000 đồng vào ngày 05/5/2022, thời hạn 25 ngày, với tổng số lãi phải trả là 9.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 438%/năm, gấp 21.9% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 410.959 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.589.041đồng.

+ Vay 30.000.000 đồng vào ngày 29/5/2022, thời hạn 25 ngày, với tổng số lãi phải trả là 9.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 438%/năm, gấp 21.9% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 410.959 đồng, tiền thu lợi bất chính là 8.589.041đồng.

D chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Đậu Thị H vay 150.000.000đ vào ngày 11/5/2022, thời hạn 30 ngày, với tổng số lãi phải trả là 45.000.000 đồng(tương ứng lãi suất 365%/năm, gấp 18,25% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 12.328.740 đồng, tiền thu lợi bất chính là 32.671.260 đồng. H đã trả 60.000.000đ và còn nợ 90.000.000đ tiền gốc.

- Lâm Thị Đ vay 40.000.000đ vào ngày 22/6/2022 (có giấy vay), thời hạn 30 ngày, với tổng số lãi phải trả là 10.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 365%/năm, gấp 18.25% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 547.945đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.452.055đồng. Đ chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

- Phạm Văn T vay:

+ Vay 40.000.000 đồng vào ngày 29/6/2022, thời hạn 20 ngày, với tổng số lãi phải trả là 8.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 365%/năm, gấp 18.25% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 438.356.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 7.561.644đồng.

+ Vay 10.000.000 đồng vào ngày 02/7/2022, thời hạn 20 ngày, với tổng số lãi phải trả là 2.000.000 đồng (tương ứng lãi suất 365%/năm, gấp 18.25% lần lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự (20%), trong đó: Lãi suất hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự là 109.589đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.890.411đồng.

T chưa trả tiền gốc vay cho các bị cáo.

Tổng số tiền N và C dùng cho vay là 520.000.000 đồng nhưng C và N không cho vay cùng một lúc mà số vốn ban đầu là 60.000.000đ (vốn ban đầu) xoay tua cho vay (thu hồi vốn vay của người này thì lại cho người khác vay, có người vừa trả xong gốc và lãi thì lại vay tiếp).

N và C thu lãi suất vượt quá quy định của Bộ luật dân sự từ việc cho những người nêu trên vay là 165.802.158 đồng.

- Tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) các bị cáo đã thực tế thu của các người vay, cụ thể như sau:

+ Bà B: 664.000đ.

+ Bà H: 1.245.000đ.

+ Bà Pg: 830.000đ.

+ Ông T: 664.000đ.

+ Bà D: 796.000đ.

+ Ông T: 166.000đ

+ Bà N: 1.826.000đ

+ Ông T: 249.000đ.

+ Bà P: 664.000đ

+ Bà B: 249.000đ.

+ Bà T: 332.000đ.

+ Bà Đ: 664.000đ.

+ Ông T: 71.993đ.

Tổng cộng là: 8.421.733 đồng.

- Số tiền thu lợi bất chính (vượt quá 20% theo quy định của Bộ luật dân sự) các bị cáo đã thực tế thu được của các người vay, cụ thể như sau:

+ Bà B: 18.336.000đ

+ Bà H: 21.255.000đ

+ Bà P: 13.670.000đ

+ Ông T: 136.000đ.

+ Bà D: 17.203.200đ

+ Ông T: 1.634.000đ

+ Bà N: 18.574.000đ

+ Ông T: 1.101.000đ

+ Bà P: 3.836.000đ

+ Bà B: 2.451.000đ

+ Bà T: 3.268.000đ

+ Bà Đ: 9.336.000đ

+ Ông T: 1.928.067đ.

Ngoài những người vay có tên cụ thể trên, N và C còn cho nhiều người khác vay nhưng không rõ lai lịch và không nhớ cụ thể số tiền cho vay, tiền lãi đã thu gồm: Hà Bình Sơn, Chung Bình Sơn, Phước Bình Sơn, Chung, Vân An Viễn, Hoa Long An, Lệ Long An, Nhuần, Vân Phú Hội, Ly Phú Hội, Hà cave, Tí Phú Hội, Lan Phú Hội, bà Sáu, cô Nghiệp, Liên Hiệp Phước, Loan Long An, với số tiền thu lãi từ 50.000 đồng đến 750.000 đồng/ngày.

*** Lê Hoài N, Phạm Văn N thực hiện hành vi đánh bạc như sau:**

C và N thực hiện hành vi bằng hình thức chơi số đề, thắng thua bằng tiền. Cách thức đánh bạc như sau: Dựa vào kết quả xổ số miền Bắc, C sử dụng điện thoại di động và tài khoản Zalo tên "Cuong Pham" nhắn tin ghi đề vào điện thoại di động của N có đăng ký tài khoản Zalo tên "Nam Hoài". Nếu người mua đề mua 02 số (02 số cuối của giải đặc biệt) hoặc bao lô 02 số (bao toàn bộ lô số của các giải) trùng với kết quả xổ số thì người mua đề thắng được gấp 75 lần số tiền đặt cược … Những số không trúng thì người bán đề được hưởng toàn bộ số tiền của người mua đề.

Vào lúc 16h18 ngày 15/7/2022, C sử dụng tài khoản Zalo tên "Cuong Pham" nhắn vào tài khoản Zalo của tôi tên "Nam Hoài" ghi đề các số: Bao lô các số 32, 33 mỗi con 150.000 đồng; Bao lô các số 59, 50, 99 mỗi con 50.000 đồng; Đánh các con 33, 23, 32 mỗi con 200.000đ. Tổng số tiền C ghi đề là 12.750.000đ (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Đối chiếu với kết quả xổ số, Cường trúng đề được 3.750.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền N và C dùng vào việc đánh bạc là 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm năm nghìn đồng).

Ngoài hành vi đánh bạc với C như đã nêu trên, N còn sử dụng Zalo tên "Nam Hoài" nhắn tin với tài khoản Zalo tên "Mai Ngà" ghi các con số đề: Bao lô các số 32, 33 mỗi con 80.000 đồng; Bao lô các số 95 mỗi con 60.000 đồng; tổng số tiền Nam ghi đề là 5.940.000đ (Năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Đối chiếu với kết quả xổ số, N trúng đề được 1.620.000đ (Một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền N và Ngà dùng vào việc đánh bạc là 7.560.000đ. Giữa N với Ngà và C chưa giao nhận tiền ghi đề và thắng thua cho nhau.

Đến ngày 16/7/2022, N và C ra đầu thú và khai nhận toàn bộ.

Cùng ngày Nguyễn Quý N đến cơ quan Công an đầu thú khai nhận tham gia thu tiền lãi cho N.

Vật chứng vụ án gồm:

- Thu giữ của Lê Hoài N:

+ 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có.

+ 01 điện thoại di động hiệu ViVo, gắn sim số 0855350141 sử dụng vào việc phạm tội;

+ Khám xét nơi ở của Nam thu giữ 11 tờ giấy vay tiền (lưu giữ tại hồ sơ được đánh số Bút lục từ 101 đến 111)

- Thu giữ của Phạm Văn N: 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại F5Youth, gắn sim số 0976501697 sử dụng vào việc phạm tội;

- Thu giữ của Nguyễn Quý N: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, gắn sim số 0931462893 của Nam đưa cho Nguyên sử dụng đi thu tiền lãi;

Tại bản Cáo trạng số 13/CT.VKS-NT ngày 05/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lê Hoài N và bị cáo Phạm Văn N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm

2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Lê Hoài N số tiền từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn N số tiền từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Lê Hoài N từ 7 đến 9 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 7 đến 9 tháng tù.

Và xử phạt bổ sung mỗi bị cáo N, C số tiền 40.000.000đ.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu ViVo, gắn sim số 0855350141 của Lê Hoài N;

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO loại F5Youth, gắn sim số 0976501697 của Phạm Văn N;

- Trả lại cho Nguyễn Quý N 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Về dân sự:

- Buộc Lê Hoài N và Phạm Văn N trả cho:

+ Ông Phạm Văn T 9.452.055 đồng.

+ Bà Trần Thị Ngọc D 17.178.082 đồng.

+ Bà Nguyễn Ngọc B 18.342.466 đồng

Bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Hoài N tại phiên tòa: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn N tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

- Từ ngày 22/6/2020 đến ngày 15/7/2022, tại địa bàn huyện N và huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Lê Hoài N và Phạm Văn N đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng cụ thể như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/6/2020 đến 15 tháng 7 năm 2022, thông qua giao dịch dân sự vay tiền tín chấp, Lê Hoài N và Phạm Văn N đã có hành vi cho 13 người vay tiền dưới hình thức cho vay tín chấp với tổng số tiền cho vay là 520.000.000đ, mức lãi suất từ 109%/năm đến 557%/năm, tương ứng với mức lãi suất gấp 18,25 lần đến 27,85 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%). Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 165.802.158 đồng; trong đó số tiền lãi hợp pháp thực tế các bị cáo đã thu là 8.421.733 đồng, số tiền thu lợi bất chính các bị cáo thực tế đã thu là 112.728.267 đồng.

- Ngoài ra vào ngày 15/7/2022, Lê Hoài N và Phạm Văn N còn thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề, cụ thể các bị cáo Phạm Văn N và Lê Hoài N đánh bạc với số tiền là 16.500.000đ (Mười sáu triệu năm năm nghìn đồng).

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận các bị cáo Lê Hoài N, Phạm Văn N phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định khoản 2 Điều 201 và tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của

Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo tham gia đánh bạc là gây mất trật tự công cộng, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần phải xem xét xử lý nghiêm các hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo Nam là người đề xuất và các bị cáo cùng trực tiếp tham gia thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Xét thấy, các bị cáo cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhằm ngăn ngừa các bị cáo tái phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú và các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1]. Số tiền gốc bị cáo N và C sử dụng cho vay, bao gồm tiền gốc mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay chưa trả cho bị cáo được xác định là tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm cần tịch thu từ bị cáo N, bị cáo C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Phạm Văn T phải nộp: 19.200.000 đồng.

- Đậu Thị H phải nộp: 90.000.000đ.

- Lâm Thị P phải nộp 60.000.000đ

- Bị cáo Lê Hoài N phải nộp 30.000.000đ (đã thu giữ của Nam số tiền 4.500.000đ theo biên lai số 0002106 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

- Bị cáo Phạm Văn N phải nộp số tiền 30.000.000đ.

[7.2]. Tổng số tiền lãi tương ứng 20% cần tịch thu sung ngân sách nhà nước, bị cáo N và C phải nộp là: 8.421.733 đồng.

[7.3]. Đối với số tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N liên đới trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên cụ thể:

+ Trả cho ông Phạm Văn T số tiền 136.000 đồng.

+ Trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền 17.203.200 đồng.

+ Trả cho bà Nguyễn Ngọc B số tiền 18.336.000 đồng.

+ Trả cho bà Lâm Thị P số tiền 13.670.000đ.

+ Trả lại cho bà Đậu Thị H số tiền 21.255.000đ.

[7.4] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của anh Nguyễn Quý N nên tuyên trả lại cho anh N.

[7.5] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu ViVo của Lê Hoài N và chiếc điện thoại di động hiệu OPPO của Phạm Văn N đều dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

[9] Đối với hành vi đánh bạc của Lê Hoài N và Mai Ngà do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[10] Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay tiền và trả lãi cho các bị cáo nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N phạm tội "Đánh bạc" và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Lê Hoài N số tiền 30.000.000đ.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N số tiền 30.000.000đ.

2.2. Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt bị cáo Lê Hoài N 06 tháng 02 ngày tù. Thời hạn tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 06 tháng 02 ngày tù. Thời hạn tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bổ sung các bị cáo như sau:

+ Xử phạt bị cáo Lê Hoài N số tiền 40.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn N số tiền 40.000.000đ.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt tiền của 02 tội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là:

+ Bị cáo Lê Hoài N phải nộp phạt tổng số tiền là 70.000.000đ.

+ Bị cáo Phạm Văn N phải nộp phạt tổng số tiền là 70.000.000đ.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc các bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Bị cáo Lê Hoài N phải nộp 34.210.866đ được trừ số tiền đã thu giữ của bị cáo Nam là 4.500.000đ theo biên lai số 0002106 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bị cáo Nam còn phải nộp thêm số tiền là 30.210.866đ

+ Bị cáo Phạm Văn N phải nộp số tiền 34.210.866đ.

- Buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Ông Phạm Văn T phải nộp: 19.200.000 đồng.

+ Bà Đậu Thị H phải nộp: 90.000.000đ.

+ Bà Lâm Thị P phải nộp 60.000.000đ.

- Buộc bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N liên đới trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

+ Trả cho ông Phạm Văn T số tiền 136.000 đồng.

+ Trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền 17.203.200 đồng.

+ Trả cho bà Nguyễn Ngọc B số tiền 18.336.000 đồng.

+ Trả cho bà Lâm Thị P số tiền 13.670.000đ.

+ Trả lại cho bà Đậu Thị H số tiền 21.255.000đ.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Quý N chiếc điện thoại di động hiệu Nokia.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước chiếc điện thoại di động hiệu ViVo của Lê Hoài N và chiếc điện thoại di động hiệu OPPO của Phạm Văn N.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện N thu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2023).

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo Lê Hoài N và Phạm Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm